

PHỤ LỤC 1
HIỆN TRẠNG BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

TT	Tỉnh/ Xã, phường	Số biên chế dự kiến theo Công văn số 09 của BCDCP (không bao gồm BCHQS)	Tổng số CBCC có mặt toàn xã (Không bao gồm BCHQS)	Số tương ứng UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã	Văn phòng HĐND&UBND										Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị										Phòng Văn hóa - Xã hội										Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trong đó			Số biên chế BCHQS được tính giao hiện nay	Số lượng Ban Chỉ huy quản sự xã có mặt	Trong đó		
						Trong đó:										Số có mặt	Trong đó:										Số có mặt	Trong đó:										Lãnh đạo, quản lý	Chuyên viên			Phó Chi huy trưởng	Try ty	
						Trong đó:											Lãnh đạo, quản lý	Trong đó:										Lĩnh vực Nội vụ	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Lĩnh vực Y tế														
						Số có mặt	Lãnh đạo, quản lý	Trong đó:										Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	Lĩnh vực Xây dựng và Công thương				Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường		Nội vụ	Lĩnh vực Lao động, Dân tộc, tôn giáo					Văn hóa	Thông tin, truyền thông	Khoa học, công nghệ											
								Lĩnh vực Văn phòng	Văn phòng	CNTT	HC-VP	Văn thư	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đối ngoại	Chuyên viên giúp việc UBND				Tài chính	Kế hoạch	Xây dựng	Công thương	Giao thông	Nông nghiệp		Môi trường								Lao động	Dân tộc, tôn giáo		Văn hóa							Thông tin, truyền thông
A	1	2=3+4+5+15+24+34	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41			
81	Xã Đak Pêk	33	35	3	3	9	2	4	2		1	1	2		1	9	2	1	1	1		2	2	9	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	3	1		1				

Ghi chú: Đối với xã, phường, đặc khu có công chức giúp việc của Ban HĐND cấp xã thì thống kê vào cột (14) chuyên viên giúp việc HĐND

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/chức danh	Phòng chuyên môn công tác	Vị trí việc làm (Ghi rõ VTVL được phân công theo định hướng danh mục VTVL kèm CV 7415/BNV-CCVC và CV 9395/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)								
1	Nguyễn Thị Thương	4/4/1978	Nữ	Thạc sỹ	Quản lý Giáo dục	Chủ tịch UBND			
2	Đỗ Đăng Dự	9/27/1986	Nam	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Phó Chủ tịch UBND			
3	Trần Cường Thịnh	3/3/1983	Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Phó Chủ tịch UBND			
4	Y Hồng Hạnh	18/9/1984	Nữ	Đại học	Hành chính	Phó Chủ tịch HĐND			
5	Y Ình	14/8/1985	Nữ	Đại học	Luật	Phó Ban VH-XH HĐND xã			
6	Vũ Văn Hiệp	11/23/1978	Nam	Đại học	Luật	Phó Ban Kinh tế ngân sách HĐND xã			
7	Lê Thị Sáu	08/05/1979	Nữ	Đại học	Ngoại ngữ; Kế toán	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND	Lãnh đạo, quản lý	
8	Nguyễn Thiên Văn	13/8/1991	Nam	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND	Lãnh đạo, quản lý	
9	Hồ Thị Huỳnh Ca	26/01/1983	Nữ	Trung cấp	Văn thư	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Văn thư	
10	Trương Thị Cẩm Vân	25/07/1994	Nữ	Đại học	Kế toán	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Hành chính - Văn phòng	
11	Huỳnh Thị Kim Huệ	29/5/1982	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Văn phòng	
12	Y Hà	09/05/1994	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí giúp việc HĐND	

13	A Phú	1/5/1987	Nam	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí Văn phòng	
14	Hiêng Thị Hoan	02/01/1986	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí tư pháp	
15	A Nghiêng	5/19/1986	Nam	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND&UBND	Vị trí tư pháp	
16	Nguyễn Văn Tứ	5/2/1987	Nam	Đại học	Kinh tế xây dựng	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo, quản lý	
17	Phạm Khắc Nghĩa	10/10/1976	Nam	Đại học	Công tác xã hội	Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo, quản lý	
18	Đỗ Thị Thanh Trúc	14/3/1991	Nữ	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí tài chính	
19	Vũ Thị Kiều Phương	24/5/1992	Nữ	Đại học	Địa chính	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí môi trường	
20	Vũ Thị Thu Hải	06/6/1984	Nữ	Thạc sỹ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí môi trường kiêm nhiệm vị trí công thương	
21	Nguyễn Kim Phượng	15/4/1983	Nữ	Đại học	Thủy lợi	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí nông nghiệp	
22	H'Thay Kpă	2/2/1984	Nữ	Đại học	Kế toán	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí tài chính	
23	Trần Trọng Bình	24/06/1990	Nam	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí xây dựng kiêm nhiệm vị trí Giao thông	
24	Nguyễn Thị Kim Dung	10/6/1990	Nữ	Đại học	Khoa học cây trồng	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	Vị trí nông nghiệp	
25	Y Ly Sa	01/12/1988	Nữ	Đại học	Kinh tế phát triển	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Lãnh đạo, quản lý	
26	Nguyễn Trọng Anh	18/01/1974	Nam	Đại học	Luật	Phó Trưởng phòng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Lãnh đạo, quản lý	
27	Nguyễn Thành Công	01/10/1998	Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí Nội vụ	
28	Y Nhân	3/16/1985	Nữ	Đại học	Kinh tế phát triển	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí giáo dục và đào tạo	
29	Phương Thị Liền	05/11/1982	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí Y tế	
30	Đặng Thị Thanh Hoài	8/24/1981	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí lao động	
31	Đinh Y Tú Lệ	6/6/1999	Nữ	Đại học	Lâm sinh	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí văn hóa	
32	Đinh Thị Mến	10/11/1989	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí thông tin, truyền thông	
33	Phan Thị Hằng	7/7/1981	Nữ	Đại học	Kinh tế	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Vị trí dân tộc, tôn giáo	

34	Vũ Thị Gấm	15/12/1989	Nữ	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Phó Giám đốc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo, quản lý	
35	Võ Thị Mỹ Dung	26/02/1980	Nữ	Đại học	Kế toán	Chuyên viên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Vị trí kế toán	
II	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã								
1	A Ngừ	10/10/1979	Nam	Cao đẳng	Quân sự	Phó Chỉ huy trưởng	Ban Chỉ huy quân sự xã	Lãnh đạo, quản lý	

Ghi chú:

- Đề nghị rà soát định hướng danh mục vị trí việc làm ở cấp xã theo Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 và Công văn số 9395/BNV-CCVC ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ để điền đầy đủ thông tin tại cột (7) theo ví dụ cho phù hợp.

- Đối với công chức kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm thì xác định, ghi rõ vị trí chính và vị trí kiêm nhiệm (ví dụ: Ông Nguyễn A: vị trí Nội vụ kiêm vị trí giáo dục và đào tạo) tại Phụ lục 2 và khi thống kê số lượng tại Phụ lục 1 điền thông tin vị trí chính

PHỤ LỤC 3

RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM THỪA, THIẾU THEO ĐỊNH HƯỚNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM (KHÔNG BAO GỒM BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ)

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Biên chế dự kiến theo CV 09 của BCĐCP (không bao gồm công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã)	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có (không bao gồm số lượng công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã)	Xác định số lượng Vị trí việc làm thiếu so với biên chế dự kiến theo CV 09			Xác định số lượng Vị trí việc làm thừa so với biên chế dự kiến theo CV 09			Giải pháp/kiến nghị khắc phục thừa/thiếu công chức
				Số lượng Vị trí việc làm thiếu	Tên Vị trí việc làm thiếu (nêu cụ thể)	Nguyên nhân thiếu công chức	Số lượng Vị trí việc làm thừa	Tên Vị trí việc làm thừa (nêu cụ thể)	Nguyên nhân thừa công chức	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Xã Đăk Pék	33	35	7	Vị trí kế toán viên/Vị trí công thương/Vị trí giao thông/Vị trí giáo dục và đào tạo/Vị trí Y tế/Vị trí khoa học và công nghệ/Vị trí công nghệ thông tin	Không có công chức có trình độ chuyên môn phù hợp để bố trí	2	Vị trí giáo dục và đào tạo/Vị trí Y tế	02 công chức hiện đang bố trí tại Vị trí giáo dục và đào tạo/Vị trí Y tế có chuyên môn, nghiệp vụ chưa phù hợp với vị trí việc làm	Đề xuất Sở Nội vụ thực hiện chính sách thu hút theo quy định hoặc tuyển dụng mới hoặc chuyển công chức có chuyên môn phù hợp từ tỉnh về xã

Lưu ý: Vị trí việc làm tại cột (5) (6) (8) (9) xác định theo định hướng Vị trí việc làm kèm theo Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 và Công văn số 9395/BNV-CCVC ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐÃ NGHỈ VIỆC/CHUYỂN CÔNG TÁC TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NAY

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/chức danh	Phòng chuyên môn công tác	Đã nghỉ việc (Đánh dấu X)				Đã chuyển công tác		Ghi chú
								Nghỉ chế độ theo ND 178	Nghỉ chế độ theo ND 154	Nghỉ Chế độ khác	Nghỉ khác	Đánh dấu (X)	Ghi rõ nơi đã chuyển công tác đến	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)													
1	A Hành	07/04/1988	Nam	Đại học	Văn hóa Dân tộc thiểu số	Chuyên viên	Phòng Văn hóa - Xã hội	x						
2	Y Kim Hoa	10/13/1989	Nữ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Văn phòng HĐND-UBND xã	x						
II	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã													
1	A Hữu	09/10/1979	Nam	Trung cấp	Quân sự	Chỉ huy trưởng	Ban chỉ huy quân sự xã	x						

Ghi chú:

- Thống kê danh sách tất cả cán bộ, công chức tại cấp xã đã nghỉ việc, chuyển công tác kể từ ngày 01/7/2025 đến nay;
- Đối với CBCC đã chuyển công tác đề nghị ghi rõ cơ quan được chuyển đến (bao gồm cả CBCC khối chính quyền điều động sang khối đảng, viên chức trong phạm vi xã)